

Số: /TTr-NV4

Bắc Ninh, ngày tháng 5 năm 2023

V/v kiến nghị kiểm tra, rà soát,
khắc phục các tồn tại, hạn chế trong
công tác kê khai tài sản, thu nhập

Kính gửi:

- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
 - Các sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh;
 - UBND các huyện, thị xã, thành phố;
 - Các hội đặc thù, các doanh nghiệp có vốn NN thuộc tỉnh.
- (Có phụ lục 01 chi tiết danh sách các đơn vị nhận văn bản)

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

Căn cứ Kế hoạch số 22/KH-TTr.NV4 ngày 19/7/2022 về việc xác minh tài sản, thu nhập năm 2022 đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 19/7/2022,

Chánh Thanh tra tỉnh đã tiến hành xác minh tài sản, thu nhập theo Kế hoạch năm 2022 tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

I. QUA KIỂM TRA BẢN KÊ KHAI, QUA XÁC MINH CHO THẤY VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP CÓ MỘT SỐ LỖI THƯỜNG GẶP NHƯ SAU:

(1) Người có nghĩa vụ kê khai không kê khai tài sản, thu nhập và biến động về tài sản, thu nhập của vợ hoặc chồng, con chưa thành niên.

(2) Người có nghĩa vụ kê khai không chứng minh được nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm theo quy định tại Khoản 4 Điều 3 Nghị định 130/2020/NĐ-CP: “Giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm là việc người có nghĩa vụ kê khai **tự giải thích, chứng minh** về việc hình thành tài sản, **thu nhập tăng thêm so với lần kê khai liền trước đó**”.

(3) Người có nghĩa vụ kê khai thực hiện không theo Mẫu bản kê khai và không đọc kỹ các chú thích Hướng dẫn việc kê khai tại Phụ lục I, Phụ lục II được ban hành kèm theo Nghị định 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ:

(3.1) Sai tiêu đề bản kê khai:

Tiêu đề bản kê khai phải là một trong 4 cụm từ sau: “BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU”, “BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM”, “BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ”, “BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP BỔ SUNG”.

(3.2) Bản kê khai phô tô là không đúng quy định:

Người kê khai phải lập 02 bản kê khai, ký vào từng trang để bàn giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý mình (01 bản bàn giao cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, 01 bản để phục vụ công tác quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị và hoạt động công khai bản kê khai).

(3.3) Không ký nhận bản kê khai, người ký nhận không ghi rõ họ tên, chức vụ, chức danh; không kiểm tra tính đầy đủ các nội dung phải kê khai:

Người của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người có nghĩa vụ kê khai khi tiếp nhận bản kê khai phải kiểm tra tính đầy đủ của các nội dung phải kê khai. Sau đó ký và ghi rõ họ tên, chức vụ, chức danh, ngày tháng năm nhận bản kê khai.

(3.4) Kê khai chậm hơn thời gian quy định:

“Ngày ... tháng ... năm ...” của bản kê khai hằng năm, bản kê khai bổ sung chậm nhất là ngày 30 tháng 12 của năm kê khai (kê khai hằng năm, bổ sung vào ngày 31 tháng 12 là chậm hơn quy định).

(3.5) Không kê khai rõ ràng tài sản đứng tên hộ người khác:

Tài sản phải kê khai là tài sản hiện có thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của người kê khai, của vợ hoặc chồng và con đẻ, con nuôi (nếu có) chưa thành niên theo quy định của pháp luật. Nếu không phải tài sản của mình nhưng đứng tên hộ người khác thì vẫn phải kê khai và giải trình chi tiết trong phần “- Thông tin khác” của tài sản đó.

(3.6) Không kê khai nhà ở hình thành trong tương lai; bất động sản chưa được cấp GCN:

Quyền sử dụng thực tế đối với đất là trên thực tế người kê khai có quyền sử dụng đối với thửa đất bao gồm đất đã được cấp hoặc chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (ví dụ: nhà ở hình thành trong tương lai, đã đủ điều kiện cấp GCN nhưng chưa làm thủ tục cấp GCN...).

(3.7) Không kê khai giá trị tài sản:

Giá trị là giá gốc tính bằng tiền Việt Nam, cụ thể: Trường hợp tài sản có được do mua, chuyển nhượng thì ghi số tiền thực tế phải trả khi mua hoặc nhận chuyển nhượng cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có); trường hợp tài sản có được do tự xây dựng, chế tạo, tôn tạo thì ghi tổng chi phí đã chi trả để hoàn thành việc xây dựng, chế tạo, tôn tạo cộng với phí, lệ phí (nếu có) tại thời điểm hình thành tài sản; trường hợp tài sản được cho, tặng, thừa kế thì ghi theo giá thị trường tại thời điểm được cho, tặng, thừa kế cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có) và ghi “giá trị ước tính”; trường hợp không thể ước tính giá trị tài sản vì các lý do như tài sản sử dụng đã quá lâu hoặc không có giao dịch đối với tài sản tương tự thì ghi “không xác định được giá trị” và ghi rõ lý do.

(3.8) Không ghi tên người được cấp GCNQSD đất:

Nếu thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tên người được cấp hoặc tên người đại diện (nếu là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung của nhiều người); nếu

thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi “chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

(3.9) Không ghi cụ thể về tình trạng thực tế quản lý, sử dụng:

Ghi cụ thể về tình trạng thực tế quản lý, sử dụng (ví dụ như người kê khai đứng tên đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu nhưng thực tế là của người khác); tình trạng chuyển nhượng, sang tên và hiện trạng sử dụng như cho thuê, cho mượn,...

(3.10) Kê khai không đầy đủ về tiền:

Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. Nếu ngoại tệ thì ghi số lượng và số tiền quy đổi ra tiền Việt Nam.

(3.11) Kê khai chưa đầy đủ về tổng thu nhập giữa hai lần kê khai:

- Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai: Kê khai riêng tổng thu nhập của người kê khai, vợ hoặc chồng, con chưa thành niên.

- Trong trường hợp có những khoản thu nhập chung mà không thể tách riêng thì ghi tổng thu nhập chung vào phần các khoản thu nhập chung (gạch đầu dòng thứ tư Mục II.10); nếu có thu nhập bằng ngoại tệ, tài sản khác thì quy đổi thành tiền Việt Nam (gồm các khoản lương, phụ cấp, trợ cấp, thưởng, thù lao, cho, tặng, biếu, thừa kế, tiền thu do bán tài sản, thu nhập hưởng lợi từ các khoản đầu tư, phát minh, sáng chế, các khoản thu nhập khác).

- Đối với kê khai lần đầu thì không phải kê khai tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai.

- Đối với lần kê khai thứ hai trở đi được xác định từ ngày kê khai liền kề trước đó đến ngày trước ngày kê khai.

- Thu nhập từ tiền đi vay cũng được kê khai tại Mục này.

(3.12). Không ghi rõ từng khoản thu nhập vào cột giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập:

Ghi tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và ghi rõ từng khoản thu nhập có được trong kỳ kê khai.

Ví dụ: Trong thời kỳ từ 16/12/2019 đến 15/12/2020, ông A bán một thửa đất ở 100 m² ở địa chỉ B, giá trị của thửa đất lúc mua là 500 triệu, thu được 4 tỷ đồng; ông A sử dụng tiền bán thửa đất trên mua 01 căn hộ 100 m² tại chung cư C giá mua 3,5 tỷ đồng và mua một ô-tô Toyota với giá 1 tỷ đồng, đăng ký biển kiểm soát 99A-xxx.xx. Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp của gia đình ông A là 600 triệu, thu nhập từ các khoản đầu tư là 1 tỷ đồng, sau khi chi tiêu ông A gửi tiết kiệm ở ngân hàng D số tiền 500 triệu.

Ông A sẽ ghi như sau:

| Loại tài sản, thu nhập | Tăng/giảm | | Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập |
|---|----------------------|---------------------------|--|
| | Số lượng tài sản | Giá trị tài sản, thu nhập | |
| 1. Quyền sử dụng đất 1.1/Đất ở - Bán thửa đất B | - 100m ² | 500 triệu | Giảm do bán |
| 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở | + 100 m ² | 3.500 triệu | Mua nhà từ tiền bán thửa đất B |

| | | | |
|--|-------------------|---------------|--|
| - Mua căn hộ tại chung cư C | | | |
| 3. Tài sản khác gắn liền với đất | | | |
| 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên. | | | |
| 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. - Gửi tiết kiệm tại ngân hàng D | + 01 Số tiết kiệm | 500 triệu | Tiết kiệm từ thu nhập |
| 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên | | | |
| 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký - Mua ô tô, số ĐK: 99A-xxx.xx | + 01 | 1.000 triệu | Mua từ tiền bán đất và thu nhập trong năm |
| 8. Tài sản ở nước ngoài | | | |
| 9. Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai. | | + 5.600 triệu | - Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp 600 triệu; - Thu nhập từ các khoản đầu tư 1.000 triệu; - Tiền bán thừa đất B được 4.000 triệu |

(4) Việc triển khai kê khai lần đầu, kê khai phục vụ công tác cán bộ không đúng quy định:

- Người lần đầu giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 của Luật PCTN năm 2018 phải kê khai lần đầu. Việc kê khai phải hoàn thành chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, tuyển dụng, bổ trí vào vị trí công tác.

- Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai tài sản, thu nhập phục vụ công tác cán bộ khi dự kiến *bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác*. Việc kê khai phải hoàn thành chậm nhất là 10 ngày trước ngày dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác.

(5) Việc xác định người có nghĩa vụ kê khai hằng năm có đơn vị chưa hiểu đầy đủ. Người có nghĩa vụ kê khai hằng năm gồm:

- Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

- Những người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác trong một số lĩnh vực được xác định trong danh mục tại Phụ lục III được ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ;

- Nếu chưa phải là Phó trưởng phòng và tương đương trở lên, thì người có nghĩa vụ kê khai chỉ phải kê khai hằng năm nếu có quyết định bổ nhiệm vào các ngạch công chức (ví dụ: Thanh tra viên 04.025, Kế toán viên 06.031...), quyết định bổ nhiệm vào các chức danh theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 của Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

(6) Người không thuộc đối tượng kê khai hằng năm không phải kê khai tài sản, thu nhập hằng năm; tuy nhiên nên thống kê thu nhập của mình thường xuyên hằng năm, phục vụ việc kê khai thu nhập phục vụ công tác cán bộ có thể sau một số năm:

Kê khai bổ sung được thực hiện khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập (của mình, của vợ hoặc chồng, con chưa thành niên) trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 của năm có biến động về tài sản, thu nhập (người kê khai hằng năm không phải kê khai bổ sung).

(7) Việc tiếp nhận, quản lý, bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập có vi phạm về thời gian bàn giao bản kê khai lần đầu, kê khai phục vụ công tác cán bộ; người được giao nhiệm vụ tiếp nhận không kiểm soát hình thức, tính đầy đủ của bản kê khai so với Mẫu:

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý bản kê khai.

- Trường hợp bản kê khai không đúng theo mẫu hoặc không đầy đủ về nội dung thì cơ quan, tổ chức, đơn vị yêu cầu kê khai bổ sung hoặc kê khai lại. Thời hạn kê khai bổ sung hoặc kê khai lại là 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, trừ trường hợp có lý do chính đáng.

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được bản kê khai, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai rà soát, kiểm tra bản kê khai và bàn giao 01 bản kê khai cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền (*Lưu ý: đối với bản kê khai lần đầu, kê khai phục vụ công tác cán bộ bàn giao thường xuyên trong năm; kê khai hằng năm, kê khai bổ sung bàn giao theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền*).

II. QUY ĐỊNH VỀ XỬ LÝ VI PHẠM TRONG KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

1. Xử lý hành vi kê khai không trung thực, giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực của người có nghĩa vụ kê khai:

Người có nghĩa vụ kê khai mà kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng chức, cách chức, buộc thôi việc hoặc bãi nhiệm; nếu được quy hoạch vào các chức danh lãnh đạo, quản lý thì còn bị đưa ra khỏi danh sách quy hoạch; trường hợp xin thôi làm nhiệm vụ, từ chức, miễn nhiệm thì có thể xem xét không kỷ luật (*Điều 51 Luật PCTN năm 2018*).

2. Xử lý người đứng đầu cơ quan, đơn vị vi phạm trong tổ chức kê khai tài sản, thu nhập:

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thiếu trách nhiệm trong tổ chức việc kê khai, công khai bản kê khai, nộp bản kê khai thì tùy theo tính chất, mức độ mà bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo, giáng chức (*Điều 21 Nghị định 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ*).

III. KIẾN NGHỊ CỦA THANH TRA TỈNH

Để hạn chế các tồn tại, sai phạm trong công tác kiểm soát tài sản, thu nhập trên địa bàn tỉnh, Thanh tra tỉnh đề nghị Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị

thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; người đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp thuộc tỉnh (có danh sách chi tiết kèm theo Phụ lục 01) triển khai thực hiện một số nội dung như sau:

1. Thường xuyên quán triệt chủ trương của Đảng (*Chỉ thị số 33-CT/TW, ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản; Kết luận số 171-KL/TU, ngày 24/4/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao hiệu quả thực hiện Chỉ thị 33-CT/TW*), pháp luật của Nhà nước (*Luật PCTN năm 2018, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ*) về kiểm soát tài sản, thu nhập;

Tổ chức hội nghị chuyên đề phổ biến lại các nội dung về kê khai tài sản, thu nhập được quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ tới toàn thể những người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập của cơ quan, đơn vị trực thuộc.

2. Chỉ đạo, giao bộ phận chuyên môn của cơ quan, đơn vị tự kiểm tra, rà soát lại nội dung, hình thức các bản kê khai từ bản kê khai lần đầu (thời điểm tháng 3/2021) đến nay, chỉ rõ những tồn tại, hạn chế, sai phạm (nếu có).

3. Kiểm điểm, nhắc nhở, chấn chỉnh công khai các cá nhân có sai sót, tồn tại, hạn chế trong việc kê khai tài sản, thu nhập. Chấn chỉnh, nhắc nhở, quán triệt và yêu cầu những người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập của cơ quan, đơn vị nếu sau lần này người kê khai tài sản, thu nhập tiếp tục có các tồn tại, hạn chế, khuyết điểm thì sẽ xử lý nghiêm theo quy định hiện hành.

Đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quan tâm, chỉ đạo, tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Cục IV TTCP (b/c);
- Thường trực TU, HĐND, UBND tỉnh (b/c);
- UBKT Tỉnh ủy, BNC Tỉnh ủy;
- Bí thư các huyện, thị, thành ủy (c/đ);
- UBKT các huyện, thị, thành ủy;
- Lãnh đạo Thanh tra tỉnh;
- VP, các PNV Thanh tra tỉnh;
- Thanh tra các sở, ngành, các huyện, thị, thành phố;
- Công TTĐT TTra tỉnh (đăng tin);
- Lưu: VT, CVP, NV4 (đ/c Quang).

CHÁNH THANH TRA

Trần Quang Ứng

Phụ lục 01
DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ NHẬN VĂN BẢN

| STT | Cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp | Địa chỉ |
|------------|---|---|
| I | Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh | |
| 1 | Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh | Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh |
| 2 | Ban kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh | |
| 3 | Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh | |
| 4 | Ban Pháp chế HĐND tỉnh | |
| II | Các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh | |
| 1 | Văn phòng UBND tỉnh | |
| 2 | Sở Nội vụ | |
| 3 | Sở Tư pháp | |
| 4 | Sở Thông tin và Truyền thông | |
| 5 | Sở Tài chính | |
| 6 | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | |
| 7 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | |
| 8 | Sở Xây dựng | |
| 9 | Sở Y tế | |
| 10 | Sở Công thương | |
| 11 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | |
| 12 | Sở Giao thông - Vận tải | |
| 13 | Sở Giáo dục và Đào tạo | |
| 14 | Sở Khoa học và Công nghệ | |
| 15 | Sở Tài nguyên và Môi trường | |
| 16 | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | |
| 17 | Thanh tra tỉnh | |
| 18 | Ban Quản lý các khu công nghiệp | |
| 19 | Ban Quản lý an toàn thực phẩm tỉnh | |
| 20 | Viện nghiên cứu phát triển KT-XH | |
| 21 | Trung tâm hành chính công tỉnh | |
| 22 | Ban Quản lý phát triển khu vực đô thị | |
| 23 | Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh | |
| 24 | Quỹ Phát triển đất tỉnh | |
| 25 | Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh | |
| III | Các huyện, thành phố | |
| 1 | UBND huyện Gia Bình | |
| 2 | UBND huyện Lương Tài | |
| 3 | UBND huyện Yên Phong | |
| 4 | UBND huyện Tiên Du | |
| 5 | UBND thị xã Quế Võ | |
| 6 | UBND thị xã Thuận Thành | |
| 7 | UBND thành phố Từ Sơn | |
| 8 | UBND thành phố Bắc Ninh | |
| IV | Doanh nghiệp có vốn Nhà nước thuộc tỉnh | |
| 1 | Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Nam Đuống | Thị Trấn Hồ - huyện Thuận Thành - tỉnh Bắc Ninh |
| 2 | Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Bắc Đuống | Phường Đình Bảng - thành phố Từ Sơn - tỉnh Bắc Ninh |
| 3 | Công ty TNHH một thành viên xố số kiến thiết | Số 27 Nguyễn Đăng Đạo - phường Suối Hoa - thành phố Bắc ninh - tỉnh Bắc |

| | Bắc Ninh | Ninh |
|----------|--|--|
| 4 | Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị Bắc Ninh | Số 4 Nguyễn Đăng Đạo - phường Tiền An - thành phố Bắc Ninh - tỉnh Bắc Ninh |
| 5 | Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh | Số 57 Ngô Gia Tự - phường Thị Cầu - thành phố Bắc Ninh - tỉnh Bắc Ninh |
| 6 | Công ty cổ phần thoát nước và xử lý nước thải Bắc Ninh | Số 85 đường Âu Cơ - phường Kinh Bắc - TP Bắc Ninh - tỉnh Bắc Ninh |
| 7 | Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp Bắc Ninh | Đường Nguyễn Văn Cừ - phường Ninh Xá - thành phố Bắc Ninh - T.Bắc Ninh |
| 8 | Công ty cổ phần đường bộ Bắc Ninh | Số 55 Ngô Gia Tự - phường Thị Cầu - thành phố Bắc Ninh - tỉnh Bắc Ninh |
| V | Đơn vị khác | |
| 1 | Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh | Phường Khắc Niệm - thành phố Bắc Ninh - tỉnh Bắc Ninh |
| 2 | Liên minh Hợp tác xã tỉnh Bắc Ninh | |
| 3 | Hội Chữ thập đỏ tỉnh Bắc Ninh | |
| 4 | Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Bắc Ninh | |
| 5 | Hội Nhà báo tỉnh Bắc Ninh | |